TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 78/2022/HS-ST
Ngày 09-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tâm;

Bà Ngôn Thị Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 74/2022/TLST-HS ngày 13/7/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

Nông Văn N, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19 tháng 11 năm 199x tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm V, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn D và bà Lục Thị N; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Năm 2011, 2013, ngày 12/4/2018 và ngày 26/4/2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ, trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng; ngày 19/11/2013, bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc; ngày 18/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh (nay là huyện Trùng Khánh) xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, thi hành xong ngày 31/7/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, sau đó bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 28/01/2022 đến nay. Có mặt.

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 198x tại huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm N (xóm P đã sáp nhập thành xóm N), thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Nại Thị B (đều đã chết); Vợ: Hoàng Thị L; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 200x, con nhỏ sinh năm 200x.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 15/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền là hình phạt chính mức 60.000.000 đồng về Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm; Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/3/2022 đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Văn H, sinh năm 198x. Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Lưu Văn N, sinh năm 199x. Nơi cư trú: Tổ dân phố x, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Lục Thị N, sinh năm 196x. Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn N và Nguyễn Văn T cùng là người nghiện ma túy nên thường xuyên cùng nhau đến sát hàng rào biên giới Việt - Trung mua pháo nổ với một người đàn ông Trung Quốc tên là Mủ về bán kiếm lời. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/01/2022, N gọi điện thoại rủ T cùng nhau đi mua pháo nổ về bán. Sau đó, T dùng xe mô tô đến đón N đi đến trung tâm thị trấn Trà Lĩnh mua ma túy về sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, cả hai quay lên cửa khẩu Trà Lĩnh, gửi xe ở khu vực Háng Páo và đi bộ đến sát hàng rào biên giới Việt - Trung, thuộc địa phận xóm Nà Đoỏng, thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh để mua pháo nổ. Khi đi bộ được khoảng 200 mét đến 300 mét, N gọi điện thoại cho Mủ mang pháo nổ đến sát hàng rào biên giới cho N. N và T bước bộ đi thêm khoảng 600 mét đến 700 mét thì đến sát hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khi đến nơi, thấy Mủ ở bên kia hàng rào biên giới thuộc địa phận Trung Quốc đợi sẵn. Thấy N và T đến, Mủ đưa 02 túi ni lông màu đen, bên trong mỗi túi chứa 04 hộp pháo hoa loại 36 ống qua lỗ hàng rào Biên giới cho N. N đến sát hàng rào đón 02 túi pháo từ tay của Mủ và đưa tiền cho Mủ 320

đồng nhân dân tệ (NDT). Sau đó, N và T mỗi người cầm 01 túi quay lại chỗ để xe và đi về nhà N cất giấu. Khoảng 01 giờ ngày 28/01/2022, N sợ bị Công an phát hiện nên mang pháo đi cất giấu ở chỗ khác thì bị lực lượng chức năng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, tài sản liên quan gồm: 08 hộp nghi pháo, 01 điện thoại di động và 01 xe máy BKS 11F1- 05xx.

Ngày 28/01/2022, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp người, chỗ ở, phương tiện đối với Nông Văn N. Kết quả thu giữ thêm 01 hộp pháo hoa loại 36 ống. Hộp pháo này N khai cùng T đi mua về để đốt, nếu có ai mua thì bán.

Hồi 09 giờ 00 ngày 28/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong, cân khối lượng vật chứng và lấy mẫu giám định. Kết quả 08 hộp pháo thu giữ của Nông Văn N có khối lượng 11,2kg; 01 hộp pháo thu giữ khi khám xét có khối lượng 1,3kg.

Tại bản kết luận giám định số 01/KL-GĐCN ngày 11/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *Các mẫu vật gửi giám định ký hiệu lần lượt mẫu số 01, mẫu số 02, đều là pháo. Loại Pháo hoa nổ.*

Căn cứ lời khai Nông Văn N, ngày 01/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành bắt Nguyễn Văn T để tạm giam và thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ACE.

Quá trình điều tra chứng minh được: Để có tiền mua ma túy sử dụng, N và T đã bàn bạc cùng nhau đến sát hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc mua pháo nổ về bán, số tiền lời sẽ chia đôi. Ngoài lần cùng nhau đi mua ngày 27/01/2022 thì N và T còn được cùng nhau nhiều lần đi mua pháo về bán cho nhiều người khác nhau, cụ thể: Đầu tháng 12/2021 bán cho người đàn ông tên Lộc (không rõ họ, chữ đệm, người ở Bắc Kạn) một lần với giá 7.000.000đ, Lộc đã trả trước 3.700.000đ, còn nợ 3.300.000đ. Cuối tháng 12/2021, N và T được bán pháo nổ cho Lưu Văn N 02 lần, thu được 1.916.000 đồng, trong số này có 900.000đ Lưu Văn N đưa trước cho N để đi mua pháo về bán, sau đó nhận thêm từ N 1.016.000đ. Lần thứ nhất 05 hộp pháo loại 36 ống; lần thứ hai 32 quả pháo trứng. Khoảng thời gian này, N và T cũng được bán pháo nổ cho Phạm Văn H 04 hộp pháo nổ loại 36 ống với giá 1.200.000 đồng. Tháng 01/2022 bán cho người phụ nữ không biết tên và địa chỉ, chỉ nghe là vợ của Lộc một lần thu về số tiền 3.000.000đ. Tất cả những lần bán xong pháo cả hai đã chia nhau tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Đối với Lưu Văn N, thừa nhận được mua pháo với N 02 lần với số tiền 1.916.000đ, trong số này anh đưa trước 900.000đ để N đi mua pháo, sau khi mua về anh trả thêm 1.016.000đ. Mục đích mua pháo để đốt dịp tết nguyên đán và tết Thanh minh. Khi cơ quan điều tra đến làm việc trong nhà chỉ còn 32 quả pháo trứng và đã tự nguyện giao nộp để phục vụ công tác điều tra. Trong quá trình làm việc cơ quan điều tra có thu giữ 01 điện thoại di động, hiện nay đã được trả lại.

Đối với Phạm Văn H cũng thừa nhận được mua pháo với N một lần vào tháng 12/2021 với giá 1.200.000đ. Mục đích mua pháo để đốt dịp tết nguyên đán và tết Thanh minh. Số pháo này H đã đốt hết dịp tết nguyên đán.Trong quá trình làm việc cơ quan điều tra có thu giữ 02 điện thoại di động và một số giấy tờ kinh doanh của gia đình, hiện nay toàn bộ tài sản trên đã được trả lại.

Đối với người đàn ông tên Lộc và người phụ nữ được cho là vợ Lộc, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không làm rõ được ai, địa chỉ ở đâu nên không có căn cứ xử lý đối với hai người này.

Về vật chứng và các tài sản đang tạm giữ xác định được: Đối với số pháo thu giữ do việc bảo quản có nguy cơ cháy nổ nên Công an huyện đã tiêu hủy bằng hình thức ngâm nước là có căn cứ. 01 xe máy biển kiểm soát 11F1- 05xx qua điều tra xác định đây là tài sản của mẹ bị cáo N là bà Lục Thị N, việc bị cáo mang xe đi phạm tội bà N không có lỗi nên Cơ quan điều tra Công an huyện đã trả lại cho bà N là có căn cứ. 01 điện thoại thu giữ của bị cáo N và 01 điện thoại thu giữ của bị cáo T dùng để liên lạc, trao đổi đi mua pháo về bán, nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKSTK ngày 13/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn N và Nguyễn Văn T về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo N khai: Chiều tối ngày 27/01/2022 có gọi điện cho T rủ đi mua pháo về bán, sau đó cả hai lên thị trấn Trà Lĩnh mua ma túy sử dụng rồi đến sát hàng rào biên giới Việt Nam - Trung Quốc mua 08 hộp pháo với người đàn ông Trung Quốc tên Mủ với giá 320 NDT. Sau đó mang về nhà cất giữ nhưng lo bị lực lượng chức năng phát hiện nên rạng sáng ngày 28/01/2022 trên đường mang đi cất giấu ở nơi khác thì bị bắt giữ. Ngoài lần này thì trước đó bị cáo còn được cùng T mua pháo về bán nhiều lần cho anh N, anh H, ông L và người phụ nữ tự xưng là vợ ông L. Sau mỗi lần bán được pháo N đều chia đôi tiền cho T cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Bị cáo T xác nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo N vừa trình bày, không có gì khai bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điểm s, t khoản 1 Điều 51; Các Điều 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn Nghĩa. Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 05 - 06 năm tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tg từ 05 - 06 năm tù. Về vật chứng đề nghị tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo N và T. Truy thu mỗi bị cáo số tiền 1.558.000đ để sung quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận, các bị cáo chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Do cần tiền mua ma túy sử dụng nên Nông Văn N và Nguyễn Văn T đã đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc mua pháo về bán kiếm lời, cụ thể: Cuối tháng 12/2021, N và T được bán pháo nổ cho Lưu Văn N 02 lần, lần thứ nhất 05 hộp pháo loại 36 ống; lần thứ hai 32 quả pháo trứng. Khoảng thời gian này, N và T cũng được bán pháo nổ cho Phạm Văn H 04 hộp pháo nổ loại 36 ống. Ngày 27/01/2022 cả hai tiếp tục đến khu vực biên giới mua 08 hộp pháo có khối lượng 11,2kg nhưng chưa kịp bán thì bị bắt giữ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, ý thức được việc buôn bán pháo nổ là mặt hàng Nhà nước cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển dưới mọi hình thức nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh một số hàng cấm, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Cả hai bị cáo thừa nhận mua pháo với người đàn ông Trung Quốc tên Mủ tại biên giới Việt - Trung, cụ thể ông Mủ ở bên kia hàng rào biên giới thuộc địa phận Trung Quốc đưa 08 hộp pháo qua lỗ hàng rào Biên giới cho Nghĩa. Nghĩa đến sát hàng rào đón pháo từ tay của Mủ và đưa số tiền 320 đồng nhân dân tệ (NDT). Do đó, có đủ căn cứ khẳng định các bị cáo đã phạm tội "Buôn bán hàng cấm" với tình tiết định khung quy định tại điểm k khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố và đề nghị mức án đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên cả hai được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trường, khi phạm tội chưa được xóa án tích của Bản án trước đó nên bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều

52 Bộ luật hình sự. Đối với đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai được cùng T mua pháo về bán thực chất thể hiện sự thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bị cáo và đã được Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy đề nghị này của Kiểm sát viên không có căn cứ để chấp nhận.

Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều sử dụng ma túy, là chất Nhà nước ta cấm tàng trữ, sử dụng dưới mọi hình thức, các bị cáo đều đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính và đã từng bị kết án về các hành vi khác nhau, nhưng không chịu lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện các bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét mức độ tham gia của từng bị cáo thấy rằng: Trong quá trình phạm tội các bị cáo đều có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất, nên đều là đồng phạm với tính chất giản đơn và đều là người thực hành, hành vi của người này tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi của người khác. Các bị cáo có mục đích mua bán 12,5kg pháo nên cả hai phải chịu chung khối lượng 12,5kg này. Tuy nhiên, cần xem xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, hậu quả từng người gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án để ấn định mức hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Nông Văn N là người khởi xướng và rủ Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp bỏ tiền ra trước để mua pháo. Đối với Nguyễn Văn T không phải là người rủ rê, khởi xướng, không trực tiếp bỏ tiền nhưng lại có tình tiết tăng nặng là tái phạm. Xét tính chất, mức độ và các tình tiết khác thì các bị cáo phải chịu mức án cao như nhau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Đối với điện thoại thu giữ của anh Năm và 01 thoại thoại cùng giấy tờ của anh H, qua điều tra không liên quan đến tội phạm nên Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ. Đối với số pháo thu giữ do việc bảo quản có nguy cơ cháy nổ nên Công an huyện đã tiêu hủy bằng hình thức ngâm nước là đúng quy định của pháp luật. 01 xe máy biển kiểm soát 11F1- 05xx qua điều tra xác định đây là tài sản của mẹ bị cáo N là bà Lục Thị Ng, việc bị cáo mang xe đi phạm tội bà Ng không có lỗi nên Cơ quan điều tra Công an huyện đã trả lại cho bà Ng là đúng luật định. 01 điện thoại thu giữ của bị cáo Ng và 01 điện thoại thu giữ của bị cáo T dùng để liên lạc, trao đổi đi mua pháo về bán, nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

[5]. Đối với người đàn ông bán pháo do không xác định được họ, tên đệm, địa chỉ và là người nước ngoài nên không có căn cứ xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Đối với số pháo mà các bị cáo khai đã bán cho vợ chồng ông L, anh N và anh H, do không thu giữ được vật chứng nên không xác định được khối lượng nên không xử lý hành vi này đối với hai bị cáo là có căn cứ. Đồng thời Công an huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh N, anh H là phù hợp.

Đối với hành vi mua pháo của vợ chồng ông Lộc (theo lời khai của bị cáo), do không xác định được họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xử lý hai người này là có căn cứ.

Đối với số tiền thu lợi bất chính: Các bị cáo thừa nhận tiền lợi nhuận chia đôi và cùng nhau sử dụng ma túy nên các bị cáo phải chịu mỗi người một nửa số tiền thu lợi bất chính này. Đối với số tiền các bị cáo khai bán pháo cho vợ chồng ông Lộc do không xác định được họ, tên đệm, địa chỉ của những người này, không lấy được lời khai, ngoài ra không có tài liệu chứng cứ chứng minh và cơ quan điều tra đã không xử lý hành vi này đối với hai bị cáo nên không truy thu khoản tiền này theo hướng có lợi cho bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị truy thu số tiền bán pháo cho N và H mỗi bị cáo số tiền 1.558.000đ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trong số tiền 1.916.000đ nhận với N thì có 900.000đ Lưu Văn N đưa trước cho bị cáo N, sau đó N mới dùng số tiền này đi mua pháo về để bán thu lợi bất chính từ N 1.016.000đ và từ H 1.200.000đ. Vì vậy chỉ truy thu hai khoản lợi nhuận này mới đúng quy định của pháp luật. Cụ thể mỗi bị cáo phải truy thu số tiền 1.108.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điểm s khoản 1 Điều 51; Các Điều 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Nông Văn N. Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 190; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Các Điều 38, 58 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn N và Nguyễn Văn T phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt Nông Văn N 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 28/01/2022.

- Xử phạt Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 01/3/2022.

- Truy thu mỗi bị cáo số tiền 1.108.000đ để sung quỹ Nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của Nông Văn N ngày 28/01/2022 và 01 điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Văn T ngày 01/3/2022.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nông Văn N và Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người có QLVNVLQ;
- UBND TT Trà Lĩnh (Bằng TB);
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nông Văn Tùng